

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

(Về thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường,
theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GDĐT)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học cơ sở Ba Đình.

2. Địa chỉ: Số 145 đường Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Hà Nội.

- Số điện thoại: 0243.823.5548

- Địa chỉ thư điện tử: c2badinh-ngocha@hanoiedu.vn

- Trang thông tin điện tử của nhà trường: <https://c2badinh.ngocha.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập trực thuộc UBND phường Ngọc Hà.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng

Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có tính trung thực và ý thức truyền thống, có cơ hội phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy.

4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2028, trường THCS Ba Đình sẽ giữ vững là một trong những trường có chất lượng giáo dục đứng trong tốp trên của phường Ngọc Hà; là địa chỉ mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện tư duy độc lập, giải quyết vấn đề, hướng tới năng lực sử dụng công nghệ, nơi đào tạo ra những con người thành đạt có cội nguồn truyền thống, có khát vọng vươn tới và có tầm nhìn xa.

4.3. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

- Xây dựng và phát triển nhà trường đáp ứng yêu cầu giáo dục của địa phương, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng đạt chuẩn chất lượng giáo dục THCS; củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục. Để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện, có khả năng tiếp tục học lên THPT hoặc đi vào cuộc sống lao động. Để đáp ứng được các yêu cầu đó, nhà trường phải tập trung thực hiện các mục tiêu chiến lược sau:

+ Đổi mới công tác quản lý và quản trị nhà trường.

- + Xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên.
- + Đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của từng học sinh.
- + Chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng học sinh giỏi; khuyến khích học sinh nghiên cứu khoa học, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn; chú trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh.
- + Xây dựng văn hóa nhà trường.
- + Huy động các nguồn lực phát triển nhà trường.

b. Các mục tiêu cụ thể

- Mục tiêu ngắn hạn

Giữ vững trường đạt chất lượng trường chuẩn Quốc gia mức 2, đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, khẳng định thương hiệu nhà trường trên địa bàn của Phường.

- Mục tiêu trung hạn

Trong mọi hoàn cảnh vẫn tạo dựng được môi trường học tập có nề nếp, kỉ cương, có chất lượng giáo dục để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển hết khả năng. Từng bước xây dựng nhà trường vững mạnh về mọi mặt, khẳng định là một trường tiên tiến hiện đại, chất lượng giáo dục tốt của phường Ngọc Hà.

- Mục tiêu dài hạn

Đến năm 2028, phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- + Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định trong tốp những trường có chất lượng cao của phường Ngọc Hà.
- + Đạt trường chuẩn Quốc gia giai đoạn tiếp theo.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Trường THCS Ba Đình được thành lập chính thức vào ngày 15/10/1974. Ngôi trường nằm bên tuyến đường Hoàng Hoa Thám, trong chiếc nôi của làng hoa Ngọc Hà. Xưa kia, nơi đây chỉ là mảnh đất đầy cây gai, cỏ dại, dân quanh vùng quen gọi “Bãi gai”. Trường đã được xây dựng nên bằng kết quả của phong trào “Toàn dân lao động kiến thiết thủ đô”.

Hiệu trưởng đầu tiên của nhà trường là nhà giáo Nguyễn Gia Thụy.

Năm học 1974-1975, khóa học đầu tiên của nhà trường được tiến hành trong hoàn cảnh khó khăn thiếu thốn nhiều bề. Với 13 thầy cô giáo ban đầu, cùng học sinh của 20 lớp cấp II đã chung tay để hoàn thiện cơ sở vật chất tối thiểu của nhà trường, đáp ứng nhu cầu Dạy - Học.

Năm học 1978-1979, trường tiếp nhận thêm học sinh khối cấp I. Thời kỳ đó, nhà trường đã có 30 lớp cấp I và cấp II trên 1400 học sinh với 52 cán bộ giáo viên, công nhân viên.

Năm 1991-1992, thực hiện chủ trương của Bộ GDĐT trường được chia tách thành hai trường Tiểu học và THCS.

Từ khóa học đầu tiên đến nay, nhà trường liên tục được công nhận trường tiên tiến và tiên tiến xuất sắc, được nhận các giấy khen, bằng khen của Quận, Thành phố và của Bộ GDĐT. Nhiều tổ chuyên môn được tặng danh hiệu tổ LDXHCN, tổ lao động giỏi. Nhiều thầy giáo cô giáo và cán bộ quản lý được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua, giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi các cấp. Chi bộ Đảng nhà trường giữ vững danh hiệu trong sạch vững mạnh. Các tổ chức, đoàn thể đều đạt tiên tiến và tiên tiến xuất sắc. Nhiều đội tuyển học sinh giỏi đạt thứ hạng cao, góp phần xứng đáng vào thành tích chung của ngành học Quận và Thành phố.

Năm 2007, nhà trường được Bộ GDĐT tặng bằng khen.

Năm 2009, được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

Nhà trường được công nhận trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2001 - 2010.

Với những nỗ lực không ngừng của nhiều thế hệ cán bộ, giáo viên, công nhân viên và học sinh, năm 2012 nhà trường đã được Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

Chặng đường 50 năm xây dựng và trưởng thành. Trường THCS Ba Đình tự hào với truyền thống đã được vun đắp bởi công sức của nhiều thế hệ thầy, trò. Khối đoàn kết thống nhất trong tập thể cán bộ giáo viên được duy trì. Thầy dạy hay, trò học giỏi và chăm ngoan.

Năm học 2017-2018, trường được đầu tư xây dựng mới với qui mô lớn hơn giai đoạn trước. Nhà trường đã có một cơ ngơi khang trang và hiện đại. Trường phát triển tới 34 lớp, 1300 học sinh, 90 cán bộ giáo viên công nhân viên.

Năm 2023, nhà trường đã vinh dự được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 và UBND Thành phố Hà Nội công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Hai tiếng BA ĐÌNH gọi cho chúng ta luôn nhớ tới mảnh đất thiêng của nhân dân cả nước, nơi đã từng chứng kiến những sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc, những chiến công lẫy lừng của quân dân Hà Nội trong cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm qua các thời kỳ.

Tiếp nối truyền thống của nhiều thế hệ cán bộ giáo viên nhà trường. Các thầy, cô giáo hôm nay đã, đang tiếp tục phấn đấu để THCS Ba Đình trở thành một địa chỉ đáng tin cậy của ngành học, góp phần xứng đáng với sự nghiệp nâng cao dân trí, phát triển nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Hồ Thuận Yến

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Số 145 đường Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Hà Nội.

Số điện thoại: 0912.410.545

Địa chỉ thư điện tử: yenht.c2bd@badinhedu.vn

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập: Số 1004/QĐ-TCUB ngày 28/8/1991 của UBND

quận Ba Đình.

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

* Quyết định số 3268/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND quận Ba Đình về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường THCS Ba Đình nhiệm kỳ 2020-2025.

* Danh sách thành viên hội đồng trường

- Chủ tịch Hội đồng trường: Hồ Thuận Yên - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng

- Các thành viên:

- | | | |
|-----|-------------------------|-------------------------------------|
| 1. | Ông Nguyễn Hữu Hiệp | Phó Bí thư Chi bộ, Phó Hiệu trưởng |
| 2. | Bà Phạm Thị Quỳnh Duyên | Thư ký HĐSP |
| 3. | Bà Cù Thị Lý | Bí thư Chi đoàn |
| 4. | Bà Nguyễn Hà Thu | Tổng phụ trách |
| 5. | Bà Trần Thị Lý | Tổ trưởng tổ Xã hội |
| 6. | Bà Nguyễn Thị Mai Anh | Tổ trưởng tổ Toán - Tin - Công nghệ |
| 7. | Bà Nguyễn Thị Bùi Dung | Tổ trưởng tổ Khoa học tự nhiên |
| 8. | Bà Trương Thị Uyên | Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ |
| 9. | Bà Nguyễn Thu Trang | Tổ trưởng tổ Thể dục - Nghệ thuật |
| 10. | Bà Đặng Thị Vui | Tổ trưởng tổ Văn phòng |
| 11. | Bà Ưông Thị Uyên | Đại diện Cha mẹ học sinh trường |
| 12. | Em Trần Hoàng Diệp Anh | Đại diện học sinh |

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của nhà trường

a. Hiệu trưởng Hồ Thuận Yên

Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND phường Ngọc Hà về việc điều động bà Hồ Thuận Yên - Hiệu trưởng trường THCS Hoàng Hoa Thám đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Ba Đình kể từ ngày 01/10/2025.

b. Phó Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Hiệp

Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của UBND quận Ba Đình về việc điều động ông Nguyễn Hữu Hiệp - Phó Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Công Trứ đến nhận công tác và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Ba Đình kể từ ngày 08/02/2021.

c. Phó Hiệu trưởng Phạm Thị Quỳnh Duyên

Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 19/12/2025 của UBND phường Ngọc Hà về việc bổ nhiệm bà Phạm Thị Quỳnh Duyên - Giáo viên trường THCS Ba Đình giữ

chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Ba Đình kể từ ngày 20/12/2025.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường; sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

a. Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường: Quyết định số 01/QĐ-THCSBĐ ngày 20/10/2025 của trường THCS Ba Đình về việc ban hành Quy chế dân chủ trong hoạt động của trường THCS Ba Đình năm học 2025-2026.

b. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường: Thực hiện theo đúng hướng dẫn của Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

- Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

- Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

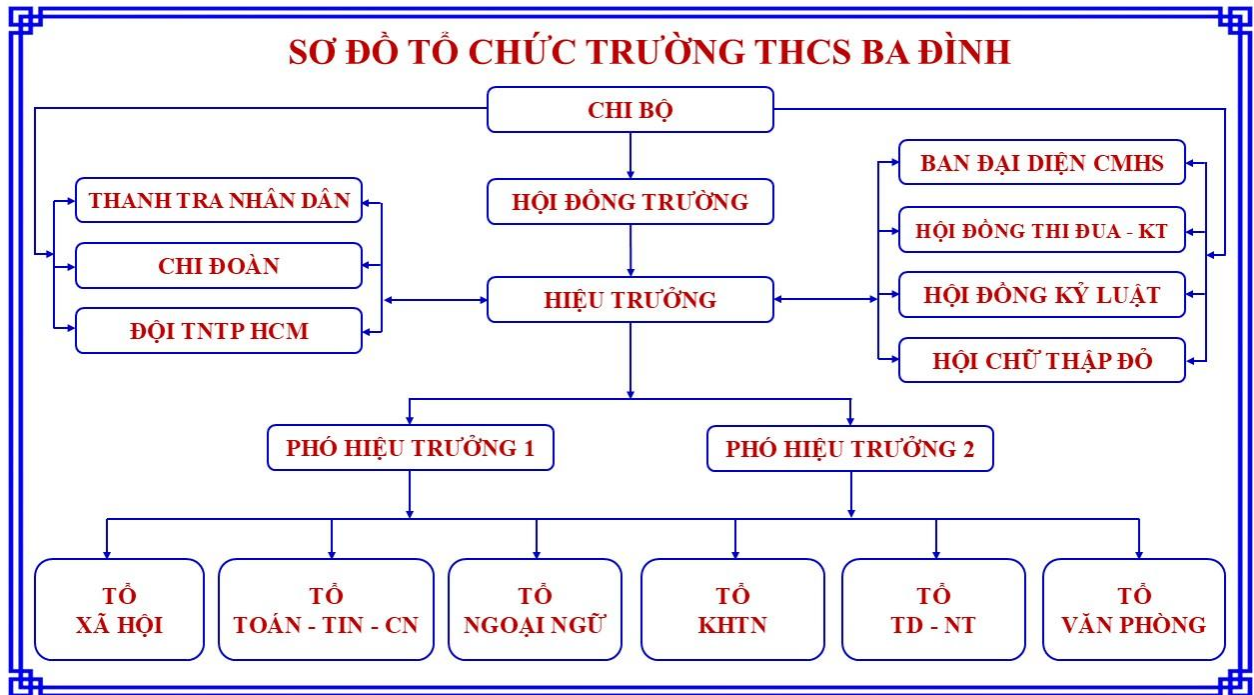
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

c. Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường



7.5. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên: Không.

7.6. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có)

a. Đồng chí Hồ Thuận Yến - Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0912.410.545

Địa chỉ thư điện tử: yenht.c2bd@badinhedu.vn

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 145 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Hà Nội.

- Nhiệm vụ của Hiệu trưởng

+ Là Chủ tịch các Hội đồng; Phụ trách, điều hành các hoạt động của Nhà trường.

+ Trực tiếp phụ trách chỉ đạo các mặt công tác: Nhân sự, tài chính, tuyển sinh, thanh kiểm tra, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Ký duyệt học bạ khối 6 và khối 9.

+ Tham dự các cuộc họp cấp trên và các cuộc họp khác theo nội dung, thành phần của thư mời.

+ Trực Giám hiệu theo lịch từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần.

b. Đồng chí Nguyễn Hữu Hiệp - Phó Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0908.266.699

- Địa chỉ thư điện tử: hiepnh.c2bd@badinhedu.vn

- Địa chỉ nơi làm việc: Số 145 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Hà Nội.

- Giúp Hiệu trưởng điều hành, phụ trách các mảng công việc:

+ Phụ trách tổ chuyên môn Toán Tin Công nghệ, KHTN và Văn phòng.

- + Ký duyệt học bạ khối 8.
- + Phụ trách các cuộc thi liên quan đến học sinh; chất lượng học tập của học sinh.
- + Phụ trách các chương trình liên kết.
- + Phụ trách an ninh, an toàn trường học; tài sản.
- + Phụ trách CNTT, chuyển đổi số.
- + Phụ trách công tác kiểm tra nội bộ.
- + Phụ trách công tác xét tốt nghiệp và thi lớp 10.
- + Phụ trách công tác tư vấn, hướng nghiệp cho HS.
- + Phụ trách cơ sở dữ liệu điện tử, học liệu số.
- + Phụ trách công tác kiểm định CLGD, SKKN.
- + Trực Giám hiệu và thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng.

c. Đồng chí Phạm Thị Quỳnh Duyên - Phó Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0932.349.288
- Địa chỉ thư điện tử: duyentq.c2bd@badinhedu.vn
- Địa chỉ nơi làm việc: Số 145 Hoàng Hoa Thám, Ngọc Hà, Hà Nội.
- Giúp Hiệu trưởng điều hành, phụ trách các mảng công việc:
 - + Phụ trách tổ Xã hội, Ngoại ngữ và Thể dục - Nghệ thuật.
 - + Ký học bạ khối 7.
 - + Phụ trách các cuộc thi có liên quan đến giáo viên.
 - + Phụ trách các hoạt động TDTT; ngoại khóa, hoạt động phong trào; chất lượng rèn luyện của HS.
 - + Phụ trách Hội, các Đoàn thể; y tế trường học, bán trú; các phong trào thi đua của CB, GV, NV và HS.
 - + Phụ trách công tác PCGD-XMC, xây dựng xã hội học tập.
 - + Phụ trách tham vấn học đường; công tác chủ nhiệm.
 - + Phụ trách công tác tổng hợp báo cáo và các hồ sơ công khai.
 - + Phụ trách công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.
 - + Phụ trách công tác truyền thông.
 - + Phụ trách hoạt động công khai; các cuộc thi STTTNNĐ, KHKT.
 - + Trực Giám hiệu và thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng.

8. Các văn bản khác cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định như:

- Chiến lược phát triển của nhà trường;
- Quy chế dân chủ cơ sở;
- Quy chế chi tiêu nội bộ;
- Quy chế làm việc của nhà trường;
- Các nghị quyết của hội đồng trường;
- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;
- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;
- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục;
- Các quy định, quy chế, các văn bản khác của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

a. Cán bộ quản lý

TT	Nội dung	Số lượng		Đảng viên	Trình độ đào tạo			
		TS	Nữ		>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Hiệu trưởng	1	1	1	1	0	0	0
2	Phó Hiệu trưởng	2	1	2	2	0	0	0
Tổng số		3	2	3	3	0	0	0

b. Giáo viên

TT	Nội dung	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	HĐP	HĐT	Trình độ đào tạo			
		TS	Nữ					>ĐH	ĐH	CĐ	Khác
1	Toán	13	13	9	13	0	0	4	9	0	0
2	Ngữ văn	12	12	7	11	0	1	3	9	0	0
3	Ngoại ngữ	9	7	3	8	0	1	3	6	0	0
4	GDCD	2	2	2	2	0	0	0	2	0	0
5	Lịch sử	3	3	1	3	0	0	1	2	0	0
6	Địa lí	4	4	2	4	0	0	0	4	0	0
7	Vật lý	4	4	1	3	0	1	1	3	0	0
8	Hóa học	3	3	0	3	0	0	0	3	0	0
9	Sinh học	4	4	3	4	0	0	0	4	0	0
10	Công nghệ	2	2	1	2	0	0	0	2	0	0
11	Tin học	3	1	1	1	0	2	0	3	0	0

TT	Nội dung	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	HĐP	HĐT	Trình độ đào tạo			
		TS	Nữ					> ĐH	ĐH	CD	Khác
12	GDTC	4	2	1	4	0	0	1	3	0	0
13	Âm nhạc	2	2	0	1	0	1	1	1	0	0
14	Mỹ thuật	2	1	1	2	0	0	0	2	0	0
Tổng số		67	60	32	61	0	6	14	53	0	0

c. Nhân viên

TT	Nội dung	Số lượng		Đảng viên	Biên chế	HĐP	HĐT	Trình độ đào tạo			
		TS	Nữ					> ĐH	ĐH	CD	Khác
1	Văn thư	1	1	1	1	0	0	0	1	0	0
2	Kế toán	1	1	0	1	0	0	0	1	0	0
3	Y tế	1	1	1	1	0	0	0	0	0	1
4	Thư viện	1	1	0	1	0	0	0	0	1	0
5	Thiết bị - Thí nghiệm	2	2	1	2	0	0	0	2	0	0
6	Bảo vệ	4	0	0	0	1	3	0	0	0	4
7	Lao công	2	2	0	0	1	1	0	0	0	2
Tổng cộng		12	8	3	6	2	4	0	4	1	7

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định: 100%

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Nội dung	Số lượng
I	Số điểm trường	01
II	Tổng số diện tích đất (m ²)	5.961,6
III	Diện tích bình quân m ² / học sinh	4,02
IV	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	2.174
III	Tổng diện tích bãi tập (m ²)	300

TT	Nội dung	Số lượng
VI	Tổng diện tích các phòng	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1296
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	780
3	Diện tích thư viện (m ²)	175
4	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	24
5	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	300
6	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	102

2. Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; ha tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	27	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	27	0,9
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	13	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	27	-
7	Bình quân lớp/ phòng học	35/27	-
8	Bình quân học sinh/ lớp	42	-
III	Khối phòng Hành chính quản trị		
1	Phòng Hiệu trưởng	1	-
2	Phòng Phó Hiệu trưởng	2	-
3	Văn phòng	1	-
4	Phòng Bảo vệ	1	-
5	Khu để xe CB, GV, NV	1	-

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
IV	Khối phòng hỗ trợ học tập		
1	Phòng Thư viện	1	-
2	Phòng Thiết bị giáo dục	1	-
3	Phòng Tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	-
4	Phòng Truyền thống	1	-
5	Phòng Đoàn, Đội	1	-
V	Khối Phụ trợ		
1	Phòng họp toàn thể CB, GV, NV	1	-
2	Phòng các tổ chuyên môn	5	-
3	Phòng nghỉ giáo viên	3	-
4	Phòng Y tế	1	-
5	Phòng Tài vụ	1	-
6	Nhà kho	4	-
7	Khu để xe học sinh	1	-
VI	Khu sân chơi, thể dục thể thao		
1	Khu Sân chơi	1	-
2	Sân Thể dục thể thao	1	-

	Nội dung	Số lượng (m ²)
VII	Khối phục vụ sinh hoạt	
1	Nhà bếp	103,5
2	Nhà ăn	190
3	Kho bếp	41,87

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
VIII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	17/816m ²	530	1,54m ² / HS
IX	Khu nội trú	0	0	0

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² / học sinh	
			Chung	Nam/ Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8	0	18	0	0,68m ² / HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
VIII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
IX	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
X	Kết nối internet	x	
XI	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XII	Tường rào xây	x	

3. Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/ lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	2,5	
1.2	Khối lớp 7	2,5	
1.3	Khối lớp 8, 9	5	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	
2.2	Khối lớp 7	1	
2.3	Khối lớp 8, 9	2	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	600	
II	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/ bộ

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Phòng Tin học (01 phòng)	40	
2	Phòng Ngoại ngữ (02 phòng)	80	
III	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/ lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/ đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	0	
5	Màn hình tương tác thông minh	10	
6	Thiết bị khác...	2	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a. Danh mục sách giáo khoa

TT	Tên sách	Bộ sách
1	Toán 6, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 6, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tiếng Anh 6, tập một (Sách học sinh)	Kết nối tri thức với cuộc sống (Global Success)
4	Tiếng Anh 6, tập hai (Sách học sinh)	Kết nối tri thức với cuộc sống (Global Success)
5	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Âm nhạc 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Lịch sử và Địa lí 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Ngữ văn 6, tập một	Cánh diều
11	Ngữ văn 6, tập hai	Cánh diều
12	Giáo dục công dân 6	Cánh diều

TT	Tên sách	Bộ sách
13	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Cánh diều
14	Khoa học tự nhiên 6	Cánh diều
15	Mĩ thuật 6 (Bản 1)	Chân trời sáng tạo
16	Toán 7, Tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống
17	Toán 7, Tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống
18	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
19	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
20	Lịch sử và Địa lý 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
21	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
22	Âm nhạc 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
23	Khoa học tự nhiên 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
24	Tiếng Anh 7 - Sách học sinh	Kết nối tri thức với cuộc sống (Global Success)
25	Ngữ Văn 7/1	Cánh diều
26	Ngữ Văn 7/2	Cánh diều
27	Giáo dục công dân 7	Cánh diều
28	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Cánh diều
29	Mĩ thuật 7 - Bản 1	Chân trời sáng tạo
30	Toán 8, tập một	Kết nối tri thức với cuộc sống
31	Toán 8, tập hai	Kết nối tri thức với cuộc sống
32	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
33	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
34	Lịch sử và Địa lí 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
35	Âm nhạc 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
36	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
37	Khoa học Tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Bộ sách
38	Tiếng Anh 8 (Sách học sinh)	Kết nối tri thức với cuộc sống (Global Success)
39	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
40	Ngữ văn 8, tập một	Cánh diều
41	Ngữ văn 8, tập hai	Cánh diều
42	Giáo dục công dân 8	Cánh diều
43	Mĩ thuật 8 (bản 1)	Chân trời sáng tạo
44	Toán 9 - tập 1	Kết nối tri thức với cuộc sống
45	Toán 9 - tập 2	Kết nối tri thức với cuộc sống
46	Công nghệ 9: Mô đun Chế biến thực phẩm	Kết nối tri thức với cuộc sống
47	Công nghệ 9: Định hướng nghề nghiệp	Kết nối tri thức với cuộc sống
48	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
49	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
50	Âm nhạc 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
51	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
52	Tiếng Anh 9 (Sách học sinh)	Kết nối tri thức với cuộc sống (Global Success)
53	Lịch sử và Địa lý 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
54	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
55	Ngữ Văn 9/1	Cánh diều
56	Ngữ Văn 9/2	Cánh diều
57	Giáo dục công dân 9	Cánh diều
58	Mĩ thuật 9 - Bản 1	Chân trời sáng tạo

b. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Số lượng xuất bản phẩm tham khảo đã được nhà trường lựa chọn, đủ sử dụng.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

a. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường
Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	---
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	---
Tiêu chí 1.8		X	X	---
Tiêu chí 1.9		X	X	---
Tiêu chí 1.10		X	X	---
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X

Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	---
Tiêu chí 5.4		X	X	---
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết luận:

- Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3;
- Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

b. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Tiếp tục quan tâm bồi dưỡng đội ngũ, phát huy vai trò nòng cốt để nhân rộng tấm gương điển hình nhằm phát huy năng lực của người dạy. Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng chuẩn, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học.

Đảm bảo tốt các chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và các chế độ chính sách cho học sinh.

Tiếp tục tham mưu, đề xuất với các cấp, các ngành sớm hoàn thiện thêm cơ sở vật chất cho nhà trường đảm bảo để duy trì trường chuẩn.

Phát huy tối đa sự tham gia của cộng đồng và cha mẹ học sinh vào tất cả các hoạt động của nhà trường để nâng cao chất lượng. Quản lý tốt các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng 2 mặt giáo dục của học sinh. Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả việc rút kinh nghiệm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông 2018 của cả 4 khối lớp 6, 7, 8, 9.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm

- Năm học 2023-2024, nhà trường đã đón đoàn đánh giá ngoài để công nhận trường đạt chuẩn quốc gia và kiểm định chất lượng giáo dục đợt 10 năm 2023 của Sở GDĐT TP. Hà Nội theo Quyết định số 1955/QĐ-SGDĐT ngày 19/10/2023 của Sở GDĐT TP. Hà Nội.

- Kết quả:

+ Trường được Sở GDĐT TP. Hà Nội công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2924/QĐ-SGDĐT ngày 22/12/2023 của Sở GDĐT TP. Hà Nội).

+ Trường được UBND TP. Hà Nội công nhận trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 31/12/2023 của UBND TP. Hà Nội).

- Hằng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày càng được nâng lên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

a. Kế hoạch tuyển sinh của nhà trường, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

Kế hoạch số 19/KH-THCSBĐ ngày 22/4/2025 của trường THCS Ba Đình về việc tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2025-2026. Trong kế hoạch thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan.

b. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Kế hoạch số 39/KH-THCSBĐ ngày 20/10/2025 của trường THCS Ba Đình về việc thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.

c. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường THCS Ba Đình năm học 2025-2026.

Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khỏe sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường,... cho học sinh).

Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường

Chương trình sinh hoạt chào cờ dưới sân theo chủ điểm hàng tháng và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, hội diễn văn nghệ, đại hội thể dục thể thao...

Các chuyên đề về sức khỏe vị thành niên, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, chương trình truyền thông hưởng ứng ngày quốc tế trẻ em gái,...

Chương trình Ngày hội trăng Rằm, Ngày hội hướng nghiệp và các hoạt động tham quan, học tập trải nghiệm tại Khu du lịch Đảo Ngọc Xanh - Tỉnh Phú Thọ và VinWonders Vũ Yên - Hải Phòng,....

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2025-2026

a. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/ lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ ngày; số lượng học sinh nam/ học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật;

số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1483	356	367	387	373
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1462 (98,6%)	346 (97,2%)	359 (97,8%)	385 (99,5%)	372 (99,7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	21 (1,4%)	10 (2,8%)	8 (2,2%)	2 (0,5%)	1 (0,3%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1483	356	367	387	373
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	684 (46,1%)	174 (48,9%)	176 (48,0%)	171 (44,2%)	163 (43,7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	440 (29,7%)	96 (27%)	117 (31,9%)	109 (28,2%)	118 (31,6%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	323 (21,8%)	69 (19,4%)	66 (18,0%)	96 (24,8%)	92 (24,7%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	36 (2,4%)	17 (4,7%)	8 (2,1%)	11 (2,8%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1483	356	367	387	373
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1447 (97,6%)	339 (95,2%)	359 (97,8%)	376 (97,2%)	373 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	174 (11,7%)	48 (13,5%)	40 (10,9%)	43 (11,1%)	43 (11,5%)
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	510 (34,4%)	126 (35,4%)	136 (37,1%)	128 (33,1%)	120 (32,2%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	36 (2,4%)	17 (4,7%)	8 (2,1%)	11 (2,8%)	0 (0%)
3	Lưu ban	0	0	0	0	0

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	(tỷ lệ so với tổng số) - Chưa thi lại					
4	Chuyên trường đến/ đi (tỷ lệ so với tổng số)					
	- Chuyên đến	40 (2,7%)	6 (1,7%)	12 (3,3%)	17 (4,4%)	5 (1,3%)
	- Chuyên đi	39 (2,6%)	4 (1,1%)	14 (3,8%)	12 (3,1%)	9 (2,4%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh nam/số học sinh nữ: Nữ	676	163	170	173	170
V	Số học sinh dân tộc thiểu số	29	6	5	5	13

* Năm học 2025-2026

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Kết quả tuyển sinh lớp 6	346	346 (96,1%)			
II	Tổng số học sinh từng khối	1483	356	367	387	373
III	Tổng số lớp theo từng khối	35	8	9	9	9
IV	Số học sinh bình quân/lớp theo từng khối	42,4	44,5	40,1	43	41,4
V	Số lượng học sinh học 2 buổi/ ngày	723	356	367	0	0
VI	Số học sinh nam/số học sinh nữ: Nữ	676	163	170	173	170
VII	Số học sinh dân tộc thiểu số	29	6	5	5	13
VIII	Số học sinh là người khuyết tật	17	2	4	5	6
IX	Số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận tại trường - Chuyên đến	40	6	12	17	5

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	- Chuyển đi	(2,7%) 39 (2,6%)	(1,7%) 4 (1,1%)	(3,3%) 14 (3,8%)	(4,4%) 12 (3,1%)	(1,3%) 9 (2,4%)

b. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1483	356	367	387	373
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1462 (98,6%)	346 (97,2%)	359 (97,8%)	385 (99,5%)	372 (99,7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	21 (1,4%)	10 (2,8%)	8 (2,2%)	2 (0,5%)	1 (0,3%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1483	356	367	387	373
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	684 (46,1%)	174 (48,9%)	176 (48,0%)	171 (44,2%)	163 (43,7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	440 (29,7%)	96 (27%)	117 (31,9%)	109 (28,2%)	118 (31,6%)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	323 (21,8%)	69 (19,4%)	66 (18,0%)	96 (24,8%)	92 (24,7%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	36 (2,4%)	17 (4,7%)	8 (2,1%)	11 (2,8%)	0 (0%)
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1483	356	367	387	373
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1447 (97,6%)	339 (95,2%)	359 (97,8%)	376 (97,2%)	373 (100%)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
a	Học sinh xuất sắc/ giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	174 (11,7%)	48 (13,5%)	40 (10,9%)	43 (11,1%)	43 (11,5%)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	510 (34,4%)	126 (35,4%)	136 (37,1%)	128 (33,1%)	120 (32,2%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	36 (2,4%)	17 (4,7%)	8 (2,1%)	11 (2,8%)	0 (0%)
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số) - Chưa thi lại	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/ đi (tỷ lệ so với tổng số)					
	- Chuyển đến	40 (2,7%)	6 (1,7%)	12 (3,3%)	17 (4,4%)	5 (1,3%)
	- Chuyển đi	39 (2,6%)	4 (1,1%)	14 (3,8%)	12 (3,1%)	9 (2,4%)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

c. Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các nhà trường nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	279	84	46	80	69
1	Cấp Phường	167	35	29	51	52
2	Cấp Tỉnh/ Thành phố	21	5	1	2	13
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	91	44	16	27	4
II	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt	373				373

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
	nghệ					
III	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	373				373
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	163 (43,7%)				163 (43,7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	118 (31,6%)				118 (31,6%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	92 (24,7%)				92 (24,7%)
IV	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường, trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu khoản thu chi hoạt động như sau

a. Các khoản thu phân theo

- Nguồn kinh phí theo ngân sách nhà nước hỗ trợ: 17.278.015.000đ
- Học phí; lệ phí và các khoản thu khác từ người học: 3.737.029.938đ
- Kinh phí tài trợ và hợp đồng bên ngoài: 0đ

b. Các khoản chi phân theo

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên ...): 17.469.928.077đ

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục đào tạo, nghiên cứu và phát triển đội ngũ: 3.545.116.853đ

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP Ngày 27/8/2021 của Chính phủ, năm học 2025-2026 nhà trường đã thực hiện miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho 21 học sinh thuộc diện mồ côi, trẻ khuyết tật, con thương binh và trẻ mất nguồn nuôi dưỡng.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	Mức chi (đồng)
I. Học phí và các khoản thu khác từ người học			
	Mức thu học phí học trực tiếp	0đ	
II. Các khoản chi theo từng năm học			
	Chi lương, bồi dưỡng chuyên môn, hội họp, hội thảo, tham quan học tập		5.400.000đ/người
III. Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý			
	1. Mức cao nhất		28.000.000/người
	2. Mức thấp nhất		12.000.000đ/người
IV. Mức chi thường xuyên cho một học sinh			đ/hs
V. Chi đầu tư mua sắm trang thiết bị			
VI. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện hưởng chính sách xã hội			
	1. Miễn giảm học phí		15.965.000đ
	2. Hỗ trợ chi phí học tập		15.000.000đ
VII. Các khoản thu khác			
	1. Học phí	0đ	
	2. Học buổi thứ hai/ngày	235.000đ/tháng	
	3. Chăm sóc bán trú	235.000đ/tháng	
	4. Học ngoại khóa: võ, cầu lông	15.000đ/tiết	
	5. Nước uống học sinh	16.000đ/tháng	
	6. Thu tiền ăn trưa	35.000đ/bữa	
	7. Học bổ trợ kiến thức L9	0đ	
	8. CSVC bán trú	133.000đ/năm	
VIII. Chính sách học bổng và kết quả thực hiện			
	1. Chính sách học bổng: Thưởng cho học sinh xuất sắc đạt các tiêu chuẩn sau		
	- Học lực giỏi, Hạnh kiểm Tốt		

STT	Nội dung	Mức thu (đồng)	Mức chi (đồng)
	- Điểm trung bình 6/8 môn học đạt từ 9,0 trở lên		
	2. Kết quả thực hiện năm học 2025-2026		
	- Tổng số tiền khen thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập; học sinh đạt giải trong các kỳ thi cấp Trường, Phường, Thành phố, Quốc gia, Quốc tế.		220.552.000đ

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán và dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Chất lượng đội ngũ

- Thành tích của giáo viên
 - + 03 giáo viên đạt giải Nhì hội thi sáng tạo khoa học kỹ thuật lần 2 năm 2025 do Sở GDĐT phối hợp với Liên Hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Hà Nội tổ chức.
 - + 03 giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm được công nhận có phạm vi ảnh hưởng trên toàn Thành phố.
 - + 01 giáo viên đạt giải Ba cuộc thi Báo cáo viên, tuyên truyền viên giỏi phường Ngọc Hà năm 2026.

- Phong trào viết sáng kiến kinh nghiệm và việc ứng dụng vào thực tiễn đem lại hiệu quả trong công tác giảng dạy cũng đã được chia sẻ và áp dụng rộng rãi, linh hoạt trong các tổ chuyên môn trong nhà trường.

2. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém

2.1. Công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi

- Công tác bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi hàng năm được nhà trường đặc biệt quan tâm. Việc tổ chức bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi được BGH nhà trường lên kế hoạch phân công cụ thể và tiến hành triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. Giáo viên được phân công dạy là những giáo viên có năng lực, có tâm huyết, giàu kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy đội tuyển học sinh giỏi các bộ môn văn hóa, khoa học kỹ thuật. Quan tâm kịp thời (chế độ, phân công nhiệm vụ) đối với giáo viên được phân công dạy đội tuyển, câu lạc bộ.

- Phân công giáo viên có năng lực trình độ chuyên môn chuyên sâu bồi dưỡng. Xây dựng kế hoạch từ đầu năm học. Phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu trong các môn học. Hàng tuần có lịch bồi dưỡng cụ thể. Coi trọng công tác bồi dưỡng học sinh giỏi là mũi nhọn.

- Tổ chuyên môn: Thành lập các đội tuyển HSG, CLB các môn học và lên kế

hoạch bồi dưỡng ít nhất 01 buổi/ tuần và tổ chức thi để sàng lọc học sinh tham gia đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Phường.

- Khuyến khích HS tham gia các cuộc thi trên tinh thần tự nguyện.

- Kết quả các cuộc thi học sinh giỏi các bộ môn văn hóa và khoa học các cấp: 132 giải cấp Phường (13 giải Nhất, 24 giải Nhì, 41 giải Ba, 54 giải Khuyến khích); 12 giải cấp Thành phố (01 giải Nhì, 04 giải Ba và 07 giải Khuyến khích).

2.2. Phụ đạo học sinh yếu kém

- Công tác phụ đạo, giúp đỡ học sinh yếu luôn được quan tâm đúng mức, được triển khai thực hiện bắt đầu từ đầu năm học với 3 môn Toán, Văn, Anh cho 4 khối lớp. Chất lượng học sinh đại trà duy trì ổn định.

- Chất lượng đại trà, phụ đạo học sinh yếu kém được quan tâm. Nâng cao chất lượng dạy học, học thật, chất lượng thật được đánh giá qua các kỳ kiểm tra.

3. Công tác triển khai thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM

3.1. Việc đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh

- Triển khai các văn bản chỉ đạo của các cấp về việc Hướng dẫn thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo dục định hướng STEM trong các nhà trường.

- Thực hiện sự chỉ đạo của các cấp, nhà trường đã tập huấn về chuyên môn cho tất cả các giáo viên ngay từ đầu năm. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Giúp HS tự tìm tòi phát hiện và tìm ra kiến thức cần nắm vững, tích cực sử dụng thiết bị dạy học, phiếu học tập... góp phần đem lại hiệu quả dạy học. Giáo viên tham dự đầy đủ các buổi tập huấn, các tiết chuyên đề do các cấp triển khai, tổ chức.

- Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra 1 tiết, cuối học kì, cuối năm học theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao. Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên và nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

- Sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; đổi mới nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài giảng, tập trung thảo luận các chuyên đề, nội dung khó của môn học hoặc những phương pháp dạy học, cách thức tổ chức lớp học hiệu quả cho các nội dung đó. Chỉ đạo tổ chuyên môn lồng ghép nội dung này trong sinh hoạt cụm, chuyên đề các cấp.

- Tồn tại hạn chế: Một số giáo viên còn chưa tích cực đổi mới kiểm tra đánh giá, chủ yếu ở các giáo viên có tuổi.

3.2. Công tác giáo dục STEM

- Nhà trường đã triển khai các hoạt động giáo dục STEM theo hướng dẫn Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 của Bộ GDĐT; Công văn số 2643/SGDĐT-GDPT ngày 19/8/2020 của Sở GDĐT Hà Nội.

- Xây dựng các chủ đề dạy học STEM với những kiến thức, kỹ năng liên quan đến các lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán học.

- Hợp tác với đơn vị có năng lực (Công ty KDI) tổ chức các hoạt động trải nghiệm dưới hình thức câu lạc bộ STEM cho học sinh 6, 7 giúp học sinh hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, hợp tác và làm việc sáng tạo.

- Tạo điều kiện cho giáo viên tham gia tập huấn STEM theo chương trình thí điểm của Bộ GDĐT.

4. Về việc triển khai, thực hiện các cuộc thi trong học sinh

*** Công tác chỉ đạo**

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai kịp thời, hiệu quả các cuộc thi dành cho học sinh như Toán học, nghiên cứu khoa học, Tiếng Anh, Tin học, ..., thể dục thể thao và các sân chơi trí tuệ khác. Ban giám hiệu thường xuyên quán triệt các văn bản hướng dẫn của cấp trên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ chuyên môn và giáo viên phụ trách; đồng thời tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất và kinh phí để tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi.

- Công tác tuyên truyền được thực hiện rộng rãi nhằm khuyến khích học sinh phát huy năng lực, sở trường cá nhân. Việc theo dõi, kiểm tra, đôn đốc quá trình thực hiện được tiến hành thường xuyên, bảo đảm các cuộc thi diễn ra nghiêm túc, đúng quy định và đạt hiệu quả. Thông qua các cuộc thi, học sinh có thêm cơ hội giao lưu, học hỏi, phát triển năng lực tư duy, sáng tạo và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu, sáng tạo khoa học, công nghệ, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống góp phần thúc đẩy đổi mới hình thức tổ chức và phương pháp dạy học, đổi mới hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập, phát triển năng lực học sinh, nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học và tạo cơ hội để học sinh trung học giới thiệu kết quả nghiên cứu, sáng tạo khoa học, kỹ thuật của mình.

*** Kết quả đã đạt:**

- Quốc tế đạt 09 giải và huy chương (01 huy chương Vàng, 02 huy chương Bạc, 04 huy chương Đồng, 02 giải KK) trong các cuộc thi: Olympic Toán quốc tế Thái Lan (TIMO), Toán ứng dụng quốc tế (VIAMC) 2026.

- Quốc gia đạt 92 giải (10 giải Nhất, 21 giải Nhì, 45 giải Ba, 16 giải KK) trong các cuộc thi: Olympic Toán Quốc tế, Olympic Hóa học và Khoa học tự nhiên, cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc, Cuộc thi viết thư Quốc tế UPU lần thứ 55, Trạng nguyên tuổi 13, Tháp sáng những ngôi sao buổi sớm, An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai, Trạng Nguyên nhỏ tuổi.

- Thành phố đạt 22 giải (04 giải Nhì; 06 giải Ba và 12 giải KK) cuộc thi: Thi Học sinh giỏi các bộ môn văn hoá lớp 9, cuộc thi Tài năng Anh ngữ, Đấu trường Toán học VioEdu và thi đấu TĐTT.

- Cấp Phường: 190 giải (28 giải Nhất, 40 giải Nhì, 55 giải Ba, 67 giải Khuyến khích) trong các cuộc thi Học sinh giỏi các bộ môn văn hoá lớp 9, cuộc thi Olympic các bộ môn văn hóa lớp 678, Tin học trẻ quốc tế, cuộc thi Hùng biện Tiếng Anh, Đấu trường Toán học VioEdu và thi đấu TĐTT.

5. Công tác Giáo dục đạo đức lối sống

* Công tác chỉ đạo.

- Nhà trường triển khai nghiêm túc các văn bản của các cấp hướng dẫn triển khai công tác Giáo dục an toàn giao thông trong trường học.

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tham gia giao thông một cách an toàn không để xảy ra tình trạng vi phạm. Công trường không để ùn tắc, bán hàng, tụ tập đông người. Xây dựng Kế hoạch cụ thể trong năm học, ký kết giao ước các đợt cao điểm trong năm.

- Tích cực tuyên truyền nội dung này cho GV và HS. Lồng ghép nội dung đạo đức, lối sống trong các môn học như GDCD, HĐTN, HN và trong các buổi sinh hoạt dưới cờ có hiệu quả. Tổ chức các chuyên đề HĐGDNGLL.

*Kết quả đã đạt: Trong năm học qua không có tình trạng HS bị thương tích vì tai nạn giao thông.

*Những tồn tại hạn chế: Một số phụ huynh còn chưa ý thức cao trong vấn đề nhắc nhở học sinh khi tham gia giao thông.

6. Công tác hướng nghiệp và phân luồng học sinh

* Công tác chỉ đạo.

- Tiếp tục triển khai các văn bản hướng dẫn của các cấp về công tác hướng nghiệp và phân luồng HS trong năm học 2025-2026. Giáo dục cho HS niềm yêu lao động và ý thức đúng đắn với nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đổi mới nội dung và phương thức GD như cho HS tăng cường hoạt động trải nghiệm... Lồng ghép thông qua việc dạy tích hợp với các bài dạy ở tất cả các bộ môn.

* Kết quả đã đạt: Cơ bản trang bị cho HS những kiến thức kỹ năng cần thiết cho học sinh.

7. Việc thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường

* Công tác chỉ đạo.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá học sinh; sử dụng các phần mềm ứng dụng dạy học nhằm nâng cao chất lượng bài giảng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

* Kết quả đã đạt: Đảm bảo đủ các loại hồ sơ, đảm bảo tính pháp lý, cập nhật thông tin thường xuyên.

8. Các hoạt động khác phục vụ việc dạy và học trong nhà trường

- Công tác thư viện: Đạt mức độ 2.

- Công tác y tế:

+ Có đầy đủ hồ sơ và làm tốt công tác quan tâm, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Đã tổ chức khám sức khỏe cho CBGV, NV (99%) và học sinh toàn trường (98.2%); tổ chức khám và cấp thuốc tại trường cho 305 lượt HS, 70 lượt CBGV; vận động 100% CBGV tham gia BHYT; 100% HS có thẻ BHYT.

+ Tổ chức thông tin truyền thông về công tác phòng, chống dịch bệnh: bệnh mắt học đường, sốt virus, sốt xuất huyết, vệ sinh ATTP, phòng chống tai nạn thương tích... Tổ chức phun thuốc muỗi để phòng chống bệnh sốt xuất huyết.

+ Thường xuyên kiểm tra công tác giữ gìn vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh. Thực hiện đúng yêu cầu quy định về vệ sinh học đường, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong trường.

9. Kết quả đánh giá xếp loại tổ chức Đảng, Đoàn thể

9.1. Công tác tổ chức, xây dựng Đảng

- Năm 2025, Chi bộ đạt tiêu chuẩn “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”, 100% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Chi bộ nhà trường đang tiến hành

- Thực hiện tốt công tác phát triển Đảng, kết nạp 01 Đảng viên mới, hướng dẫn làm hồ sơ cho 02 quần chúng ưu tú kết nạp Đảng và 03 Đảng viên tham gia lớp trung cấp chính trị. Duy trì tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng; không có đảng viên vi phạm kỷ luật.

9.2. Tổ chức Đoàn Thanh Niên, Đội thiếu niên

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chương trình công tác Đoàn, Đội và phong trào thiếu nhi năm học 2025-2026 với các chương trình hoạt động NGLL, sinh hoạt lớp kỉ niệm 72 năm Ngày giải phóng Thủ đô (10/10/1954 - 10/10/2026); kỉ niệm 82 năm Ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam và 36 năm ngày hội quốc phòng toàn dân; thực hiện các chùm hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; kỉ niệm ngày thành lập Đoàn (26/3); 85 năm Ngày thành lập Đội và 136 năm Ngày sinh nhật Bác; 51 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; 72 năm chiến thắng Điện Biên Phủ tổ chức Lễ ký cam kết thực hiện các qui định của Pháp luật về phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội và an toàn giao thông giữa nhà trường, Công an phường, phụ huynh và học sinh; cho học sinh ký cam kết không tàng trữ, đốt pháo, thực hiện phát thanh măng non các giờ ra chơi tuyên truyền giáo dục pháp luật, phòng chống xâm hại trẻ em, phòng chống dịch bệnh theo mùa, an toàn giao thông ...

- Tích cực tham gia các hoạt động, các cuộc thi cuộc thi Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật; viết thư UPU lần thứ 55 đạt 02 giải Cây bút triển vọng; 01 giải Nhất, 01 Giải Ba Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc năm 2025; 01 giải

Khuyến khích cuộc thi An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai...

- Kết quả xếp loại trong năm học 2025-2026: được UBND Phường Ngọc Hà đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

10. Kết quả đánh giá chất lượng giáo viên và thi đua cuối năm học

10.1. Kết quả đánh giá chất lượng giáo viên, nhân viên

67 giáo viên, nhân viên xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 13 cá nhân xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

10.2 Kết quả khen thưởng tổng kết năm học

- 45 cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” (LĐTT);

- 11 cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường được công nhận danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” (CSTĐ).

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2026 về thực hiện công khai trong hoạt động của trường THCS Ba Đình (theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)/.

Nơi nhận:

- Phòng VHXH phường Ngọc Hà;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Niêm yết tại Bảng tin công khai;
- Đăng tải trên trang TTĐT của nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Thuận Yến